

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1210/2024/HS-PT

Ngày: 24-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn, Kiểm sát viên.

Từ ngày 17/12 đến ngày 24/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 957/2024/TLPT-HS ngày 17/10/2024, đối với các bị cáo Nguyễn Thành T và Lê Thị Mỹ A, do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1120/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2024.

- Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thành T** (tên gọi khác: Tuấn M), sinh năm 2000 tại tỉnh An Giang; Hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): lớp 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1976 và bà Võ Thị Kiều O, sinh năm 1981; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 05 (năm) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”, quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 theo Bản án hình sự phúc thẩm số 229/2018/HS-PT ngày 17/4/2018 đến ngày 31/12/2020, chấp hành xong án phạt tù (đã xóa án tích).

Ngày 01/8/2023, bị bắt tạm giữ, tạm giam cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Lê Thị Mỹ A**, sinh ngày 26/10/2006 tại tỉnh An Giang; Hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): lớp 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T2, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có chồng, con; Bị cáo có 04 (bốn) chị, em; lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Ngày 01/8/2023, bị bắt tạm giữ, tạm giam cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Thị Mỹ A: Ông Lê Văn T2, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978; Cùng hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thành T và bị cáo Lê Thị Mỹ A: Ông Huỳnh Anh T3, là Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Trọng K, sinh năm 2002 (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn N (là cha ruột của người bị hại), sinh năm 1979; Nơi thường trú: khu vực Bình Thạnh C, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành T và Lê Thị Mỹ A (sinh ngày 26/10/2006 có mối quan hệ tình cảm nam nữ) sống chung với nhau từ tháng 5/2023 tại phòng trọ số 18 thuộc nhà trọ H, tại số B Đường T, tổ A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do không có tiền tiêu xài, T đề nghị Mỹ A lên mạng xã hội làm quen với những thanh niên trên mạng rồi dụ dỗ họ đến chở Mỹ A đi chơi ở những nơi vắng vẻ để T cướp tài sản, bán lấy tiền tiêu xài, Mỹ A đồng ý.

Ngày 26/7/2023, Mỹ A tải ứng dụng hẹn hò Litmatch rồi kết bạn, làm quen với anh Nguyễn Trọng K (sinh ngày 09/02/2002, nơi thường trú: khu vực Bình Thạnh C, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang) và rủ anh K lên Bình Dương chơi. Qua trò chuyện, biết anh K đi xe mô tô nhãn hiệu Exciter 135cm³, Mỹ A báo cho T biết, T nói Mỹ A hẹn anh K lên thành phố mới Bình Dương để T cướp xe của anh K. Mỹ A hẹn gặp anh K ở thành phố mới Bình Dương vào ngày 30/7/2023 nhưng do T không mượn được xe để chở Mỹ A đến điểm hẹn nên Mỹ A nhắn tin lại cho K, hẹn gặp K tại khu đất trống gần nơi T và Mỹ A ở, anh K đồng ý.

Khoảng 17 giờ ngày 30/7/2023, T mua 3.000 (ba ngàn) đồng ớt tươi tại chợ T4 (không xác định được người bán) đem về phòng trọ rồi nói Mỹ A giã nhuyễn ớt ra, hòa với nước để xịt vào mặt anh K, khống chế anh K để cướp xe của anh K. Mỹ A lấy 04-05 trái ớt, dùng cán dao giã nhuyễn, pha loãng rồi lọc lấy nước đổ vào chai dung dịch vệ sinh phụ nữ của Mỹ A đã sử dụng hết thành 01 chai nước ớt.

Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 30/7/2023, T lấy 01 (một) con dao bấm, cán bằng sắt, lưỡi màu đen, dài khoảng 20cm bỏ vào túi quần phía sau, bên phải còn Mỹ A cầm chai nước ớt, cả hai đi bộ vào trong bãi đất trống trên đường T thuộc phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương rồi Mỹ A gửi định vị cho anh K đến rước. Khi thấy anh K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 59L2-858.17, màu trắng-đen đến, Mỹ A đi bộ ra cổng khu đất trống đón anh K, còn T nấp vào bụi cây chờ. Sau đó, anh K chở Mỹ A đi mua đồ ăn nhưng không mua được nên Mỹ A yêu cầu anh K chờ lại địa điểm mà T đang chờ sẵn. Ngay khi anh K vừa dừng xe lại, Mỹ A xuống xe đứng phía sau xe, bên trái của anh K, T liền chạy đến, dùng chân phải đạp mạnh vào chân phải của anh K làm anh K và xe ngã xuống đường. T và anh K giằng co đánh nhau qua lại, anh K chạy vòng quanh xe nhưng bị T đuổi theo nên anh K dùng nón bảo hiểm đánh vào lưng T. Lúc này, Mỹ A dựng xe của anh K lên định chờ T bỏ chạy thì bị anh K chạy đến dùng nón bảo hiểm đánh vào đầu làm Mỹ A ngã xuống đất. Thấy vậy, T liền rút con dao bấm đã chuẩn bị sẵn, dùng tay phải cầm dao đâm liên tiếp vào lưng của anh K. Bị đâm, anh K đẩy T ngã xuống bãi cỏ rồi nằm đè lên người T, T nằm dưới tiếp tục cầm dao bằng tay phải đâm liên tiếp vào phần lưng và phần sườn bên phải của anh K. Mỹ A liền chạy đến dùng tay nắm tóc của anh K kéo ra phía sau để không cho anh K đánh T. Trong lúc giằng co, Mỹ A bị T đạp trúng người nên ngã ra ngoài và bị con dao cứa vào cổ tay phải. T tiếp tục dùng dao đâm anh K tổng cộng 21 (hai mươi một) nhát đến khi anh K bất tỉnh T mới dừng lại. Lúc này, T đẩy anh K xuống rồi đứng dậy, lấy xe mô tô của anh K chở Mỹ A về phòng trọ, cả hai thay quần áo rồi bỏ trốn. Đến sáng ngày 31/7/2023, ông Trịnh Xuân Q (sinh năm 1986, nơi cư trú: T, tổ F, khu phố B, phường T, thành phố T) phát hiện thi thể anh K nên trình báo Công an phường T giải quyết. Khi T và Mỹ A bỏ trốn đến xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B phát hiện, bắt giữ.

Tại Kết luận giám định tử thi số 378/KLGĐTT-KTHS ngày 10/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B đối với anh K, kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định: có 21 vết thương thủng, đứt da, tổ chức dưới da, cơ, mồm gai đốt sống, đầu các xương sườn và sụn sườn, động mạch liên sườn, sơ hoành, nhu mô phổi, gan, trong đó:

Vết thương thấu ngực: 10 vết thương thấu vào khoang màng phổi, đứt các khối cơ vùng lưng, cơ liên sườn, động mạch liên sườn, đầu các xương sườn, đĩa đệm gian đốt sống và nhu mô phổi; tràn máu tràn khí khoang màng phổi.

Vết thương thấu ngực bụng: vết 21 thủng, đứt da, tổ chức dưới da, cơ, sụn sườn 7, thấu vào khoang màng phổi và ổ bụng, thủng cơ hoành phải, đứt nhu mô gan.

- Nguyên nhân chết: đa chấn thương.

Tại Kết luận định giá tài sản số 114/KL-HĐĐGTS ngày 12/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương, kết luận giá trị của tài sản tương đương xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 59L2-858.17 tại thời điểm ngày 30/7/2023 là 27.800.000 (hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng.

Tại Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 0450/KLGĐĐT-TTPYĐN ngày 20/5/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận Lê Thị Mỹ A có độ tuổi là từ 17 năm đến 18 năm, kể từ ngày giám định (ngày 15/5/2024).

Về thu giữ vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 59L2-858.17, màu trắng-đen. Đây là xe của anh Phạm Minh Đ bán cho anh Lư Hoàng M1, anh M1 bán cho anh Trần Quang V, sau đó anh V bán cho anh Nguyễn Trọng K. Ngày 11/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 1039/QĐ-CSĐT trả lại chiếc xe trên cho ông Nguyễn Văn N, là người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Trọng K;

- 01 (một) thẻ căn cước công dân số 089306021765, mang tên Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 26/10/2006;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, số IMEI: 860406051771481 bên trong gắn sim 1 số: 8401230212858422 và sim 2 số: 8401230212909050 của Lê Thị Mỹ A, là công cụ bị cáo A sử dụng vào việc phạm tội;

- 01 bộ quần áo nữ; 01 bộ quần áo nam; 01 giấy lau máu; 01 chiếc dép bên phải màu đỏ hiệu Nike; 01 hộp quẹt ga; 01 bao thuốc lá S; 01 chai nhựa dạng bơm xịt bên trong chứa dung dịch màu đỏ; 01 chiếc dép bên trái màu đỏ hiệu Nike là những vật không còn giá trị sử dụng;

- 01 bóp da bên trong chứa Giấy chứng minh nhân dân, bằng lái xe, Thẻ ATM, Thẻ công nhân mang tên Nguyễn Trọng K, vé giữ xe; 01 nón bảo hiểm, 01 điện thoại di động màu đen, hiệu S; số tiền 347.000 (ba trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng là tài sản của bị hại Nguyễn Trọng K.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Trọng K, yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí mai táng 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng và bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình của bị hại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 144/CT-VKSBD-P2 ngày 17/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thành T, Lê Thị Mỹ A về tội “Giết người” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 và tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2024/HS-ST ngày 17/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T, Lê Thị Mỹ A: phạm tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào điểm e, n khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T chung thân về tội “Giết người”, 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017), tổng hợp hình phạt: buộc bị cáo Nguyễn Thành T chấp hành hình phạt chung của 02 tội trên là chung thân; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2023.

1.2. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ A 08 (tám) năm tù về tội “Giết người” và 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017), tổng hợp hình phạt: buộc bị cáo Lê Thị Mỹ A chấp hành hình phạt chung của 02 tội trên là 12 (mười hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm bồi thường, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 30/9/2024, ông Nguyễn Văn N kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với cả 02 bị cáo, cụ thể tuyên tử hình đối với bị cáo T và chung thân đối với bị cáo Mỹ A.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo T, Mỹ A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Kết luận điều tra, Cáo trạng và bản án sơ thẩm. Hai bị cáo xác định ngoài các tình tiết giảm nhẹ

như bản án sơ thẩm đã áp dụng, 02 bị cáo không còn tình tiết giảm nhẹ nào khác. Ông N không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Xuất phát từ nhu cầu tiêu xài cá nhân, bị cáo T đã lôi kéo, chỉ đạo bị cáo Mỹ A lên mạng xã hội làm quen những thanh niên có tài sản, dàn cảnh để cướp. Ngày 01/8/2023, sau khi bị cáo A làm quen được anh K, bị cáo T chuẩn bị nước xay từ ớt, hung khí là con dao; bị cáo A gửi định vị và bị cáo T đã thực hiện hành vi dùng dao đâm anh K tổng cộng 21 nhát để cướp chiếc xe máy có giá trị 27.800.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo T và A về tội “Giết người” theo các điểm e, n khoản 1 Điều 123 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho cả 02 bị cáo và mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên với 02 bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của ông N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông N phát biểu ý kiến như sau: Sau phiên tòa sơ thẩm, ngoài gia đình bị cáo A có điện thoại hỏi thăm gia đình tôi, cha mẹ bị cáo T không hề bồi thường, không hề thăm hỏi nên tôi đề nghị tuyên bị cáo T tử hình, bị cáo A chung thân.

Luật sư bào chữa chỉ định cho các bị cáo T và Anh phát biểu ý kiến như sau:

Đại diện gia đình 02 bị cáo xin chia sẻ nỗi mất mát của gia đình ông N.

Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

Về hình phạt: Ban đầu 02 bị cáo chỉ có mục đích cướp chiếc xe máy, không có ý định giết anh K. Diễn biến vụ án cho thấy khi các bị cáo vừa ra tay, anh K chống cự rất quyết liệt dẫn đến việc các bị cáo thực hiện hành vi giết người. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của ông N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T và bị cáo A: không bổ sung gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo T, Anh xin lỗi gia đình người bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông N, nhận thấy:

[2.1] Về tội danh:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thành T và Lê Thị Mỹ A tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của chính 02 bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, với Biên bản khám nghiệm tử thi, với Kết luận giám định tử thi số 378/KLGĐTT-KTHS ngày 10/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, với Kết luận định giá tài sản số 114/KL-HĐĐGTS ngày 12/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương, với Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 0450/KLGĐĐT-TTPYĐN ngày 20/5/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ đối với bị cáo A; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được tranh luận công khai tại phiên toà phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Theo Kết luận giám định độ tuổi thì tại thời điểm bị cáo T quen và chung sống với bị cáo A (sinh 26/10/2006) thì bị cáo A có độ tuổi là từ 17 năm đến 18 năm. Như vậy tại thời điểm 02 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo A là người chưa đủ 18 tuổi.

Xuất phát từ nhu cầu cần tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo T đã bàn bạc, chỉ đạo bị cáo A lên mạng xã hội tìm, dụ dỗ những nam thanh niên có tài sản để cướp. Thực hiện sự bàn bạc, thống nhất như trên, vào khoảng 22 giờ ngày bị cáo A đã dụ dỗ anh K đến bãi đất trống trên đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để cho T cướp xe mô tô của anh K đem bán lấy tiền tiêu xài. Tại đây, bị cáo T đã dùng dao đâm anh K tổng cộng 21 nhát gây ra cái chết cho người bị hại; trong quá trình bị cáo T đâm anh K, bị cáo A đã nắm tóc không cho anh K chống cự; sau đó cả 02 bị cáo đã cướp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 59L2-858.17 có giá là 27.800.000 đồng của anh K và bỏ trốn.

Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, bị cáo A là người chưa thành niên nhưng đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; cả 02 bị cáo đều ý thức được việc tước đoạt mạng sống và dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, 02 bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của 02 bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp tước đoạt mạng sống và chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Với các hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo T, Anh về tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 và

khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bản Cáo trạng số 144/CT-VKS-P2 ngày 17/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo T, Anh về tội “*Giết người*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” theo quy định tại các điểm e, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là chính xác. Tuy nhiên, ngoài tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự mà Cáo trạng đã truy tố, bản án sơ thẩm còn xét xử bị cáo T thêm tình tiết định khung tăng nặng “*Có tính chất côn đồ*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là không chính xác. Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.2] Về hình phạt:

[2.2.1] Đối với bị cáo T: Bị cáo T chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng có 02 tình tiết tăng nặng là “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*” và “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” quy định tại các điểm e, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; mặt khác, bị cáo T có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “*Hiếp dâm trẻ em*” và đang nghiện ma túy. Với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân nêu trên thể hiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là bất chấp, hết sức xem thường pháp luật, không còn khả năng cải tạo, giáo dục. Mức án chung thân mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo T là nhẹ, chưa thật sự phát huy tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Do đó, kháng cáo của ông N yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo T là có căn cứ. Cần thiết phải tuyên bị cáo T với mức cao nhất của khung hình phạt.

[2.2.2] Đối với bị cáo A:

Diễn biến vụ án cho thấy bị cáo A có tham gia bàn bạc, thống nhất ý chí với bị cáo T trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Khi bị cáo T dùng dao đâm nhiều nhát vào người anh K, bị cáo A không ngăn cản mà còn có hành vi nắm tóc bị hại kéo ra phía sau để bị hại không có khả năng chống trả. Do đó, bị cáo A là người giúp sức tích cực cho bị cáo T. Tuy nhiên, nhận thấy bị cáo A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại; bị cáo chỉ mới học lớp 2/12, nhận thức pháp luật còn hạn chế; sống phụ thuộc và bị bị cáo T lôi kéo, dụ dỗ thực hiện hành vi phạm tội; tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A là người chưa thành niên nên bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo tổng cộng 12 năm tù cho cả 02 tội là có căn cứ, phù hợp với chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, được quy định tại Chương XII Bộ luật hình sự. Do đó, kháng cáo của ông N yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo A là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo A.

[3] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy tại phiên toà phúc thẩm bị cáo T không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới, do đó kháng cáo của bị cáo T là không có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm về tình tiết định khung tăng nặng và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T; giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo A.

[4] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho 02 bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N là người đại diện hợp pháp của người bị hại.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thành T và Lê Thị Mỹ A phạm các tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

[1.1] Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm e, o khoản 1 Điều 52, Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T tử hình về tội “Giết người” và 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017), tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thành T chấp hành hình phạt chung của 02 tội trên là Tử hình.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2023. Tiếp tục giam bị cáo Nguyễn Thành T để bảo đảm thi hành án.

[1.2] Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 168, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ A 08 (tám) năm tù về tội “Giết người” và 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017), tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Thị Mỹ A chấp hành hình phạt chung của 02 tội trên là 12 (mười hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2023. Tạm giam bị cáo Lê Thị Mỹ A trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[4] Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Thành T có quyền làm đơn xin Chủ tịch N1 ân giảm hình phạt tử hình.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa